

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

## QUYỂN 88

Số câu: “Phần văn chính thứ năm: Có mười bậc thiện tri thức dựa nơi địa thứ mười. Thứ nhất là Dạ thần Bà san Bà diễn để, dựa nơi địa hoan hỉ”: Trước hết là đạt được tánh của bậc Thánh, chứng đắc đầy đủ về hai không, có thể tạo lợi ích cho mình và người phát sinh Hoan hỉ lớn.

Câu: “Do nơi mùa xuân chính là bậc chủ v.v...”: Đức thịnh mãn như mùa xuân, hòa hợp phát sinh thông suốt.

“Biểu thị cho sự phân biệt, thấy mặt trời đều đã lặn”: Địa thứ nhất đoạn trừ kiến hoặc tức phiền não phân biệt.

Số câu: “Tông, thuyết gồm thông”: Phần trước đã dẫn, tức ý nơi kinh Lăng Già. Kinh ấy, nơi quyển thứ ba (bản dịch của Đại sư Cầu Na Bạt Đà La gồm bốn quyển) viết: Phật nói với Bồ-tát Đại Tuệ: “Ba đời Như Lai có hai thứ pháp thông: Đó là Thuyết thông và Tuệ tông thông. Thuyết thông là tùy nơi chỗ ứng hợp của tâm chúng sinh để thuyết giảng vô số kệ kinh. Đấy gọi là thuyết thông. Tự tông thông, nghĩa là người tu tập, liả sự hiện bày vô số vọng tưởng của tự tâm, không rơi vào chỗ phân biệt một - khác, cùng - chẳng cùng, siêu vượt tất cả tâm ý, ý thức, tự biết về cảnh giới của bậc Thánh, liả nhân tạo thành tướng của kiến chấp. Hết thấy ngoại đạo, hàng Thanh văn, Duyên giác đã rơi vào hai nẻo, là chỗ không thể nhận biết. Như Lai nói đó là Tự tông pháp thông”.

**Giải thích:** Tức thứ nhất thấu rõ chính là tâm.

Từ câu: “Nghĩa là không rơi vào chỗ” tiếp xuống: Nói về cảnh giới tức vắng lặng.

Từ câu: “Siêu vượt tất cả” tiếp xuống: Là chủ thể chọn lấy cũng không.

Từ câu: “Tự biết về” tiếp xuống: Là tỏ ngộ đúng về tự tâm, chẳng phải do người khác tỏ ngộ. Liả ba lượng để thành, nên gọi là “Liả nhân

tạo thành”.

Từ câu: “Hết thủy ngoại đạo” tiếp xuống: Là đối chiếu với người khác để hiển bày chỗ thù thắng. Kinh đã tóm kết, khuyến khích: “Đó gọi là Tự tông thông cùng Thuyết thông. Bồ-tát, và chư vị, Đại Bồ-tát khác cần phải tu học”.

Kệ viết:

*“Ta nói hai thứ thông  
Tông thông và ngôn thuyết  
Thuyết thông trao kẻ mới  
Tông vì người tu hành”.*

**Giải thích:** Ở trước đã dẫn rồi, nay lại nêu ra lần nữa. Trước là căn cứ nơi người chứng đắc, là chủ thể thuyết giảng, nên trước tiên là nêu rõ về tông thông. Nay thì từ nơi giáo pháp tu tập chứng đắc, nên trước hết là biện minh về thuyết thông. Cũng như trước từ nơi căn bản dấy khởi hậu đắc. Nay thì từ Gia hạnh đi vào căn bản. Văn có chỗ dị biệt nhỏ. Cho nên trong phần thứ nhất, Sơ giải đã dẫn văn của phần trước, nay lại dẫn phần sau. Cổ nhân nói:

*“Thuyết thông, tông chẳng thông  
Như nhật bị mây che  
Tông thông, thuyết cũng thông  
Như nhật nơi hư không”.*

Sớ câu: “Pháp môn như các sao vận hành”: Ở đây, pháp, dụ cùng được biện giải. Một thân là để biểu hiện cho thể của như. Sự vận hành của các sao là dùng biểu hiện cho pháp môn. Sự vận hành của các sao không lia một thân, cũng như pháp môn không lia thể của Như. Đối sau cũng vậy, giáo hóa biểu thị về dụng lớn. Lỗ chân lông là để so sánh với chân tánh. Về hai ngu, hai vô ngã thì đều như nơi phẩm Địa thứ mười đã nêu.

Sớ câu: “Thứ hai là Dạ thần Phổ Đức Tịnh Quang, dựa nơi địa Ly Cấu”: Nghĩa là gồm đủ giới thanh tịnh, lia mọi khả năng dấy khởi những hủy phạm vi tế về phiền não cấu uế.

Sớ câu: “Trong phần giải thích riêng có ba, là Ánh sáng, trí, pháp”: Phần Sớ giải chỉ theo chỗ khó mà giải thích ba câu. Nay sẽ lại giải thích, lược có hai ý:

Một: Tách ra phần chung riêng để giải thích. Câu một là chung, chín câu còn lại là riêng. Nơi phần riêng thì: Một là xem tướng bên ngoài. Hai là nhớ nghĩ về đức bên trong. Ba là nhận biết về đối tượng được chứng đắc. Bốn là phóng Ánh sáng. Năm là Ánh sáng luôn có. Sáu

là biến hóa. Bảy là âm thanh viên mãn. Tám là danh hiệu. Chín là điều phục chúng sinh.

Hai: Căn cứ nơi mười thân để giải thích.

- Một là: Thân Bồ đề.
- Hai là: Thân tướng hảo.
- Ba là: Thân trí tuệ.
- Bốn là: Thân pháp giới.
- Năm là: Thân nguyện.

Như nơi phẩm Hiền Thủ, từ nơi lỗ chân lông phóng hào quang, đều là nguyện từ trước.

- Sáu là: Thân phước đức.
- Bảy là: Thân ứng hóa.
- Tám là: Thân lực trì. Âm thanh viên mãn duy trì chánh pháp tận cùng đời vị lai.

- Chín là: Thân ý sinh. Theo ý mà gọi tên.

- Mười là: Thân uy thế. Tóm kết về uy lực.

Mười thân cùng làm sáng tỏ về trong ngoài đều đầy đủ. Nếu chuyên niệm thì ở đây hành nào mà chẳng thành tựu?.

Sớ câu: “Thứ nhất là nêu rõ về Thiền Phan Duyên Như Thật, đồng với Thiền Như Lai Thanh Tịnh”: Kinh Lăng Già, quyển thứ hai, nói có bốn thứ Thiền. Đó là:

Phàm phu sở hành Thiền.

Quan sát nghĩa Thiền.

Phan duyên như thật Thiền.

Như Lai Thiền.

**Kinh giải thích:** “Thế nào là Thiền phàm phu sở hành? Nghĩa là có hàng Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo tu hành, quán về người tự tánh là vô ngã, cộng tướng như xương liền nhau là tướng vô thường, khổ, bất tịnh, do chấp trước cho là gốc. Chỉ quán về các tướng như thế, không quán về cái khác, trước sau chuyển biến, tiến tới, nhưng chẳng diệt trừ tướng. Đó gọi là Thiền phàm phu sở hành. Thế nào là Thiền quan sát nghĩa? Tức là quán về người, tự tánh là vô ngã. Cộng tướng, tự tha, ngoại đạo đều Vô tánh. Xong thì quán về pháp vô ngã. Nghĩa tướng của địa kia dần dần tăng tiến, đó gọi là Thiền quan sát nghĩa. Thế nào là Thiền phan duyên như thật? Là nói về vọng tưởng. Hai vô ngã là vọng tưởng. Chỗ như thật thì chẳng sinh vọng tưởng. Ấy gọi là Thiền phan duyên như thật. Thế nào là Thiền Như Lai? Tức nhập nơi địa Như Lai, hành theo nẻo Thánh trí tự giác với ba thứ lạc trụ thành tựu đầy đủ

các sự việc bất tư nghị của chúng sinh. Đó là Thiền Như Lai. Kệ viết:

*“Thiền phàm phu sở hành  
Thiền quan sát tướng nghĩa  
Thiền phan duyên như thật  
Thiền Như Lai thanh tịnh...”*

**Giải thích:** Cổ nhân đều phối hợp với quả vị có hai kiến giải:

Một: Cho thứ nhất là phàm phu, Tiểu thừa. Thứ hai là đến địa thứ bảy. Thứ ba là địa thứ tám trở lên. Thứ tư tức là Phật địa.

Hai: Là kiến giải của Đại Vân, cho thứ nhất là phàm phu, Tiểu thừa. Thứ hai là mười tín đến hồi hương. Thứ ba tức Gia hạnh. Thứ tư tức từ địa thứ nhất đến Phật địa. Do chứng đắc như nên đều gọi là Như Lai. Hoặc tu về quán thì hàng phàm phu đã sử dụng trực tiếp về Thiền Như Lai thanh tịnh. Nay, trong văn nêu ở đây tức cho loại thứ ba đồng với loại thứ tư, không dùng hai loại đầu. Hai loại đầu là phàm phu, Tiểu thừa còn chưa quên pháp là vô ngã, nên chỉ lấy nhân quả của loại ba bốn thông suốt nhau. Nghĩa là thấy pháp giới của Phật tức là nghĩa duyên Như; không chấp lấy không hội nhập tức là nghĩa Thiền Như Lai thanh tịnh.

Từ câu: “Lại nữa, Thiền Như Lai không ngăn ngại” tiếp xuống: Văn diễn rộng về lợi lạc nên văn của phần Sở giải có mười phủ nhận (phi), đại thể là giống với tám bất của Trung Luận. Do chẳng hoàn toàn đồng nên gọi là “Đại thể là đồng”. Nhưng nơi kinh Niết-bàn v.v... thì đa phần là hoàn toàn đồng. Do tám bất ấy thâm tóm về lý là tận cùng nên cho là hoàn toàn đồng. Bốn phi đầu là hoàn toàn giống. Sáu phi sau hợp làm bốn.

Nói: “Phi thật phi vọng là bất thường”: Thường có hai nghĩa: Một là hư vọng mà chấp cho sinh tử là có thường. Nay nói phi vọng tức là phi thường. Hai là pháp thật xuất thế gian gọi là thường. Nay nói phi thật tức cũng vô thường.

Trong thật tướng của các pháp thì không thật, không phi thật.

“Phi thiên phi hoại, chẳng đời chẳng hoại tức là chẳng đoạn”: Đoạn cũng có hai nghĩa: Một là pháp thế gian đổi dời tức có đoạn diệt. Hai là hủy diệt phiền não thành nơi Đoạn đức. Nay đều là “Phi”, nên là “Bất đoạn”. Lại, mười câu này, nêu lên đa phần căn cứ nơi Thể. Còn giải thích thì đa phần căn cứ nơi Dụng. Ý đã nêu rõ Thể Dụng đều không hai, nên cũng có thể gộp chung làm năm đối về Thể Dụng:

Một: “Bất lai bất khứ” là tự thể của Thể Dụng.

Hai: “Bất sinh bất diệt” là tướng của Thể Dụng.

Ba: “Phi thật phi hư” là lực của Thể Dụng.

Bốn: “Phi thiên phi hoại” là tánh của Thể Dụng.

Năm: “Một tướng. Vô tướng là đức của Thể Dụng.

Như nơi thập Hạnh đã biện giải.

Sớ câu: “Phần sau từ câu “Tư duy” tiếp xuống chính là hiển bày về bốn Thiên”: Đây tức dùng Thiên Như Lai dẫn dắt về bốn Thiên, chẳng giống với ba địa dựa nơi quả vị để nói về bốn Thiên. Bốn Thiên chẳng đồng nên là bốn phần riêng. Nhưng Đại, Tiểu tuy khác mà chi phần, chỗ tích tụ về công đức, danh số đều cùng có mười tám chi, nêu đủ như nơi ba địa. Địa luận đều thâu tóm vào bốn loại:

Một: Chỗ lia chướng ngại.

Hai: Chi đối trị.

Ba: Chi lợi ích.

Bốn: Hai thứ kia nương tựa nơi Tam muội.

Trong bốn loại, thì ba loại sau là chi. Loại một chẳng phải là chi, đều như trước đã nói.

Sớ câu: “Lìa chỗ lo của chính mình”: Tức căn cứ nơi năm thọ để nói. Thiên thứ nhất đã lìa ưu thọ. Nay do đại bi nhằm cứu giúp tức lo (ưu) về nỗi lo của chúng sinh. Lìa chỗ kết hợp của lo là đối tượng được lìa. Nay nhớ nghĩ về nỗi lo của người khác, trở lại sinh hoan hỉ nên là lợi ích.

Sớ câu: “Trong nhị thiên v.v... Nhưng Nhị thiên gồm đủ bốn chi là định của hỷ, lạc thanh tịnh bên trong. Đầu tiên nói rõ diệt trừ giác quán là chướng ngại của đối tượng được lìa.

Sớ câu: “Tiếp theo, thâu tóm tất cả chúng sinh là nhất tâm”: Tức nhất tâm thâu tóm. Nhưng chữ “Nhất tâm” là nơi đoạn kinh nói về ba địa đã có. Kinh viết: “Diệt giác quán là định của nhất tâm không giác quán, thanh tịnh bên trong sinh hỷ lạc trụ nơi Thiên thứ hai”. Rõ ràng chữ nhất tâm ấy là giải thích nghĩa “Nội tâm”. Không giác, không quán tức là nghĩa thanh tịnh. Gồm đủ hai pháp này thì gọi là sự thanh tịnh bên trong. Lại, sự thanh tịnh bên trong của Tiểu thừa chỉ là tín tâm. Còn sự thanh tịnh bên trong theo Đại thừa tức là kết hợp ba chi của Nhị Thiên mà thành. Nghĩa là xả niệm chánh tri về ba tâm này còn là hỷ, lực dụng che lấp chưa thù thắng chỉ có thể lìa bỏ Sơ tâm từ bên ngoài mà kết hợp làm nội tịnh. Nay thâu tóm tất cả chúng sinh thuộc về nhất tâm, tức đã có nghĩa kết hợp.

Sớ từ câu: “Trong Tam Thiên” tiếp xuống: Rõ là gồm đủ năm chi: Xả, Niệm, Hỷ, Lạc, Định. Phần còn lại như trước đã nêu.

Sớ câu: “Trong tứ Thiên”: Thiên thứ tư có bốn chi: Xả, Niệm, Trung thọ, Định. Nay, bốn chi cùng dứt bật, chướng của đối tượng được lìa ấy. Tức xả, niệm thanh tịnh là chi đối trị. Đã không còn khổ, lạc tức là trung thọ, là chi lợi ích. Nhưng chỗ xả thọ kia, thế gian là lợi ích. Đối chiếu với xuất thế gian cũng là nhiệt nã. Nay, nơi phần Sớ giải viết: “Ở trong hạ khổ lại còn sinh ra tướng lạc”. Đã cho hết thủy đều dứt diệt thì xả cũng xả, mới là xả đích thực, chân chính. Phần còn lại như nơi ba địa đã biện giải.

Sớ câu: “Tu quán về bốn niệm xứ”: “Quán niệm xứ” tức là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Chữ vân vân là chỉ cho mười tướng, so với mười tướng nơi Luận Đại Trí Độ, quyển thứ hai mươi sáu thì đại thể là giống nhau.

Nói “Mười tướng”: Luận viết: “Một là tướng về vô thường. Hai là tướng về khổ. Ba là tướng về vô ngã. Bốn là tướng về sự ăn uống bất tịnh. Năm là tướng về tất cả thế gian chẳng thể an lạc. Sáu là tướng về chết. Bảy là tướng về bất tịnh. Tám là tướng về sự đoạn. Chín là tướng về sự lìa. Mười là tướng về sự tận cùng”. Nay có mười ba nên gọi là “Đại thể là giống”.

Sớ Câu: “Thứ ba là Chủ Dạ thần Hỷ Mục Quan Sát chúng sinh dựa nơi địa Phát quang”: Nghĩa là thành tựu pháp tổng trì lớn của định thù thắng, có thể phát ra vô biên Ánh sáng của trí tuệ vi diệu.

Sớ câu: “Thần thông độ sinh là Bồ đề phần v.v...”: Do nơi Luận Du Già có nói đến bốn hành của Bồ-tát: Một là hành Ba-la-mật, ở trên đã diễn rộng nên chỉ nêu ba hành sau.

Sớ câu: “Loại sau chung nơi các hành còn lại, trong đó gồm đủ bốn hành của Bồ-tát”: Tức:

Một: Hành về Bồ đề phần pháp. Do từ lúc mới phát tâm đã tích tập công đức đều là sự hỗ trợ cho Bồ đề, là Bồ đề phần.

Hai: “Nhập các pháp Tam muội” tiếp xuống: Tức là hành về Tam muội.

Ba: “Đạt được thiên nhĩ thanh tịnh” tiếp xuống: Tức là hành về thần thông.

Bốn: “Đạt nẻo giải thoát của Bồ-tát” tiếp xuống: Là hành tạo mọi thành tựu đầy đủ cho chúng sinh.

Do đó, phần sau là tóm kết, viết: “Phân biệt, hiển bày chỗ thành tựu đầy đủ cho chúng sinh”.

Sớ câu: “Chưa lãnh hội tự tánh của tức tâm”: Kiếp trước chưa đạt được tự phần của mười trụ thì kiếp này chưa đạt được phần thắng tiến

của mười trụ.

Sớ câu: “Chưa đạt được nhẫn của phần thuận nơi duyên sinh thâm diệu của địa thứ sáu”: Địa thứ sáu đạt được thuận nhẫn thượng phẩm.

Từ câu: “Tám là kiếp diệu thắng chủ” tiếp xuống: Là không tóm kết phần nói về chỗ đạt được, kết hợp nói chưa đạt địa thứ bảy. Nhưng kiếp trước chỉ nói tu hành đạo tối thắng, tức là đã đạt được địa thứ sáu.

Sớ câu: “Cho nên tên gọi về kiếp ấy cũng thuận theo nghĩa của địa”: Đây là nhà viết Sớ giải lại nêu ra một cách giải thích. Do kiếp thứ nhất tên là Tịch Tĩnh Âm, đã đạt được địa thứ nhất.

Hai là kiếp Thiên Thắng. Thiên là nghĩa thanh tịnh, cũng thuận hợp với địa Ly cấu.

Ba là kiếp Phạm Quang Minh thuận với địa Phát Quang.

Bốn là kiếp Công Đức Nguyệt thuận với địa Diệm tuệ. Nguyệt có Ánh sáng nên phát ra ngọn lửa sáng.

Năm là kiếp Tịch Tĩnh Tuệ thuận với chỗ tăng trưởng của Thiên.

Sáu là kiếp Thiện Xuất Hiện thuận với địa Thiện Hiện.

Bảy là kiếp Tập Kiên Cố Vương thuận với công dụng viên mãn nên đã đạt phương tiện chẳng thể hủy hoại.

Tám là kiếp Thắng Diệu Chủ, thuận nơi địa Bất động, nên không còn dụng công.

Chín là kiếp Thiên Công Đức thuận với quả vị pháp sư.

Mười là kiếp Vô Trước Trang Nghiêm, thuận với trí tuệ không vướng chấp nơi hai nẻo trang nghiêm, viên mãn.

Sớ câu: “Thứ tư là Chủ Dạ thần Phổ Cứu Chúng Sinh Diệu Đức, dựa nơi địa Diệm tuệ”: Nghĩa là an trụ nơi pháp Bồ đề phần tối thắng, thiêu đốt mọi thứ củi phiền não, nên ánh lửa sáng rực của trí tuệ luôn tăng trưởng.

Sớ câu: “Hai câu sau là nói về quả vị Đẳng giác”: Là chẳng nói về địa thứ mười. Hai câu trên, vẫn về địa thứ mười đã hiển bày. Nghĩa nơi các quả vị còn lại thì ẩn giấu nên phải nêu riêng.

Sớ câu: “Biểu thị cho sự tinh tấn đích thực, trở lại từ định sinh”: Tinh tấn đích thực là mọi hạn chế của thân tâm, nên không định nào là không có điều ấy.

Sớ câu: “Thứ năm là Chủ Dạ thần Tịch Tĩnh Âm Hải, dựa nơi địa Nan thắng”: Nghĩa là hành tướng của hai trí chân tục cùng trái, hợp, khiến tương ứng với chỗ “Nan thắng” tột bậc.

Sớ từ câu: “Hai là trong phần đáp lại, tức phân làm bốn” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:



Một: Nhận định tổng quát.

Hai: Từ câu: “Trong câu hỏi là nhằm” tiếp xuống: Là xét đoán, phân biệt.

Ba: Từ câu: “Nay nói về phần một” tiếp xuống: Là giải thích văn. Nơi phần hai, do chỗ đáp lại câu hỏi không theo thứ lớp, nên trong ấy có bốn chi tiết:

- Thứ nhất: “Chính thức thông tỏ chỗ vướng mắc về việc không theo thứ lớp”.

Một là đáp lại phần ba.

Hai là đáp lại phần một.

Ba là đáp lại phần bốn.

Bốn là đáp lại phần hai.

Nên viết là “Không theo thứ lớp”. Nay, giải thích, ý cho rằng: Trong các câu hỏi thì hai câu đầu là đối tượng được thành, hai câu ba, bốn đều là chủ thể thành tựu. Câu ba thành nơi câu một. Câu bốn thành nơi câu hai. Cho nên nay, trong phần đáp lại, đã dùng chủ thể thành của câu ba thành nơi đối tượng được thành của câu một, nên trước là đáp lại câu thứ ba, tiếp theo là đáp lại câu một. Dùng chủ thể thành của câu bốn để thành nơi đối tượng được thành của câu thứ hai, nên sau là đáp lại câu bốn, hai.

- Thứ hai: Từ câu: “Lại, do chủ thể dấy khởi đối tượng” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn ngầm. Vấn nạn cho rằng: Câu cách cùng đối nơi lý là hết sức rõ. Nhưng trong phần hỏi của hai đối ấy, vì sao trước nêu rõ về đối tượng được thành, trong phần đáp vì sao trước đáp về chủ thể thành? Nên nay cần được giải thích: Do chủ thể thành nơi đối tượng nên trước đáp về chủ thể. Lại có thể nêu câu hỏi tiếp: Trong phần hỏi, vì sao không trước hỏi về chủ thể? Nên đáp: Hỏi nhận thấy về đối tượng được thành thì câu tìm về chủ thể thành. Như thấy quả thì suy về nhân, cũng như nơi bốn đế. Phần Sơ giải không biện minh là do ý dễ nhận ra.

- Thứ ba: Từ câu: “Lại, trong quan sát” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn cho là có sự lẫn lộn. Tức có vấn nạn: Nếu cho quán là chủ thể thành thì vì sao trong phần giải đáp có đối tượng được quán? Cảnh của đối tượng được hành là đối tượng được thành, thì vì sao trong cảnh có hành của chủ thể thành? Do đấy, nay giải đáp: Trong quan sát tuy có đối tượng được quán nhưng đã làm thành chủ thể quán. Như trong Bát-nhã tuy có thật tướng nhưng đã làm thành trí tuệ. Trong cảnh của đối tượng được hành, hoặc chủ thể hoặc đối tượng đều là đối tượng được



hành. Như các vị Bồ-tát hành Bát-nhã thâm diệu thì chủ thể quán, đối tượng được quán đều là đối tượng được hành.

- Thứ tư: Từ câu: “Cho nên bốn câu hỏi đều hoàn toàn riêng biệt” tiếp xuống: Là tóm kết, dẫn chứng, gồm luôn việc tóm kết, phê phán kiến giải của người xưa. Tức xưa cho câu thứ nhất về chỗ khởi phương tiện, câu thứ hai về sự nghiệp thì đều trả lời câu hỏi thứ nhất về sự nghiệp. Cho câu thứ ba trả lời về quán sát, cùng trả lời hai câu hỏi thứ hai và bốn. Do cảnh giới và quán sát chẳng rời nhau. Vì trả lời câu thứ tư hành cảnh giới nào là trở lại giải đáp câu ba hỏi về chỗ đấy khởi phương tiện. Nếu giải thích như đây, không những nội dung giải đáp không rõ ràng, mà trái lại còn lẫn lộn thứ tự. Như thế là nơi phần Số giải thích xong, nay mới tóm kết: “Bốn câu hỏi hoàn toàn riêng”.

Từ câu: “Là do trong Tấn kinh” tiếp xuống: Là dẫn kinh để chính thức chứng minh, trong cảnh của đối tượng được hành có nghĩa của chủ thể hành. Nghĩa là, nếu cảnh của đối tượng được nhận biết thì chỉ là đối tượng được hành. Còn nếu cảnh của chỗ sai biệt tức có chủ thể hành. Do vậy, phần Số giải viết: “Chẳng phải chỉ là đối tượng được quán. Vì cảnh giới theo Tấn kinh đã bao hàm chủ thể quán”.

Số câu: “Hai văn có tóm lược, bổ sung”: Trước có tên gọi của đại kiếp, nên lược không nói đến số lượng của tiểu kiếp. Vì thế đã dẫn lại văn nói về tiểu kiếp ở sau, trong đó chỉ nêu rõ về số lượng của tiểu kiếp, lược không nói về tên gọi của đại kiếp. Do đấy, đã dẫn lại phần văn nói về đại kiếp ở trước, tức cùng có số lượng kiếp nhiều như vi trần nơi hai cõi Phật.

Số câu: “Nếu cho kiếp Phổ Quang Minh là một của sát trần”: Trên cho Phổ Quang tức là đại kiếp, trong đó đã có tiểu kiếp của sát trần. Nay là tên gọi của tiểu kiếp, nên tích tập số lượng của tiểu kiếp như Phổ Quang v.v... câu: “Trải qua sát trần Phật” thiếu chữ “hai”. Kết hợp phải nói: Từ đây mệnh chung rồi trở lại tức ở trong thế giới này sinh ra, trải qua hai lần số kiếp vi trần sát của Phật, cho nên dẫn Tấn kinh nhất định có chữ “hai”. Nói Phật càng nhiều là trước cho Phổ Quang là đại kiếp trong Đại kiếp có Phật của sát trần. Nay Phổ Quang là tiểu kiếp, trong tiểu kiếp đã có sát trần; trải qua hai lần Phật của tiểu kiếp sát trần nên Phật càng nhiều.

Số câu: “Chính do bốn câu hỏi trước đều là nghiệp dụng”: Đối chiếu nơi môn giải thoát của Bồ-tát, nên nghiệp của sự chỉ là một của bốn phần.

Số câu: “Ba là tùy nơi một pháp thâm diệu có nhiều phẩm loại”:

Như một pháp bố thí Ba-la-mật có chín môn.

“Bốn là trong mỗi loại có nhiều pháp sự”: Như một việc bố thí bên ngoài có nhiều của cải, vật báu.

“Năm, như một trường hợp thí thực có nhiều chi phái.

Sớ câu: “Thứ sáu là Chủ Dạ thần Thủ Hộ Nhất Thiết Thành tăng trưởng uy lực, dựa nơi địa Hiện tiền”: Tức là an trụ nơi trí duyên khởi dẫn phát Bát-nhã tối thắng không phân biệt, khiến luôn hiện tiền.

Sớ câu: “Hai mươi lăm hữu, lý không hai”: Kệ viết:

*“Bốn châu bốn cõi ác  
Phạm vương, Lục dục Thiên  
Vô tướng, năm Na hàm  
Bốn không cùng bốn Thiên”*

Nghĩa như trước đã giải thích.

Sớ câu: “Thứ bảy là Chủ Dạ thần Khai Phu Nhất Thiết Thọ Hoa, dựa nơi địa Viễn hành”: Tức là đạt tới vô tướng, trụ nơi biên vực sau của công đức, vượt quá nẻo hai thừa, thế gian.

Sớ câu: “Năm thứ ô trược làm nhân chiêu cảm quả là ba tai họa”: Ba tai họa có hai thứ:

Một là ba tai họa nhỏ, là đói khát, bệnh tật và binh đao. Tức bảy năm bảy tháng bảy ngày mới dứt. Nghĩa là mỗi thứ đều một lần bảy.

Hai là ba tai họa lớn, là tai họa về nước, lửa, gió hủy hoại nơi khí thế giới.

Nay ở đây là văn của kinh nơi phần trước, văn đầy đủ là: “Một là nêu về sự đói khát, do trời không ban xuống ân trạch. Hai là nhiều thứ dịch bệnh tức bệnh tật. Ba là dong ruổi khắp bốn phương mà không nơi chốn nương cậy, nghĩa gồm cả binh đao”. Nhưng ba tai họa lại có hai nghĩa:

Thứ nhất: Căn cứ nơi lúc kiếp sắp dứt, thọ mạng của con người chỉ còn mười tuổi v.v...

Thứ hai: Một phần ít thường xuyên dấy khởi nhiều.

Nay ở đây nêu rõ là căn cứ theo tai họa của phần ít.

Sớ câu: “Trước là dấy khởi tâm đại bi sâu xa”: Phần “Sao giảng” đã dung hợp nơi văn của kinh thì tâm bi này so với sự tích tập quả trong địa thứ hai hầu hết là đồng.

Câu thứ nhất là biện minh chung. Nghĩa là các chúng sinh với ba thứ cầu đạt đều rơi vào hầm sâu sinh tử không đáy, khó có thể ra khỏi. Chín câu còn lại là giải thích riêng. Lại phân làm hai:

- Thứ nhất: Câu một giải thích về lý tà. Suy cầu về bên ngoài gọi

chung là tà. Ngang bướng chấp thế gian là thường lạc ngã tịnh, dấy khởi các hoặc như tham v.v... nên khiến họ trụ nơi nghiệp thiện.

- Thứ hai: Tám câu còn lại nói về hành tà, trong đó làm rõ riêng về các chúng sinh với ba thứ cầu đạt. Tức phân làm ba:

Một là: Năm bi đối với các chúng sinh cầu dục.

Hai là: Hai bi đối với chúng sinh cầu hữu.

Ba là: Một bi đối với chúng sinh cầu phạm hạnh tà vạy.

Nơi phần một là, lại chia làm hai:

Ba bi trước là đối với chúng sinh hiện hành đạt được năm dục, thọ dụng, sinh lỗi lầm.

Hai bi sau là đối với chúng sinh chưa đạt được năm dục, truy tìm sinh lỗi lầm.

Trong phần trước tức là ba phần riêng:

Một: Bi đối với các chúng sinh chẳng cùng có tài sản để nhằm nuôi sống thân mạng là chỗ bị bức bách của bao khổ về sinh, lão v.v... mà chẳng được an ổn. Cho nên khiến họ không tham vương nơi tài sản, tức tâm an định.

Hai: Bi đối với các chúng sinh thọ nhận không biết chán, nội tâm khó thỏa mãn, sợ mang tiếng xấu, sợ mất tài lợi. Cho nên khiến họ tạo nhân theo Phật.

Ba: Bi đối với các chúng sinh tích trữ tài sản, chẳng thể hiểu rõ của cải nhiều thì tai họa nhiều, gọi là không có “Mất trí tuệ”. Làm sáng tỏ chỗ nghi kiến tức là phương tiện.

Từ câu: “Thứ hai là cho mê chấp của si ám” tiếp xuống: Là nói về hai môn bi đối với các chúng sinh chưa đạt được năm dục, đốc tìm cầu, sinh lỗi lầm.

Ba bi trước là đối với chỗ dấy khởi hoặc. Hai bi này là đối với chỗ tạo nghiệp.

Bi của môn trước là đối với chúng sinh cầu quả báo về sau, tạo thiện hữu lậu. Như đi trong đêm tối tăm bị lạc đường, nên cần chỉ rõ về đuốc tuệ.

Bi của môn sau là đối với chúng sinh cầu quả báo hiện tại tạo các hành ác, sển tiếc những gì của mình, ganh ghét người khác hơn mình lừa dối cầu tiền của, các hoặc mê lầm, nhiễu loạn ô trược. Hoặc tuyệt dứt các ác thì pháp thân thanh tịnh.

Từ câu: “Thứ hai là trong thời gian dài bị chìm nổi” tiếp xuống: Là nói về hai môn bi đối với chúng sinh tham cầu về hữu.

Môn trước, tức chỗ sai biệt của cõi. Nghĩa là quanh quẩn nơi năm

cõi, tạng thức chìm nổi nơi biển lớn khổ, hoặc. Cho nên khiến họ vươn lên bờ giác.

Môn sau, tức chỗ sai biệt của giới. Nghĩa là các căn như mắt v.v... bị sáu trần lôi kéo, không được tự tại, không có kỳ hạn để ra khỏi. Phải nhờ vào uy thần của Phật để dẫn dắt khiến xuất ly.

Từ câu: “Thứ ba là dùng bi của môn thứ mười đối với các chúng sinh cầu phạm hạnh tà vạy, đi theo con đường sai lạc, mê lầm đối với lý vô ngã, đuổi theo tà kiến, cho đến chín mươi lăm thứ kiến chấp khác nhau. Cho nên dẫn dắt họ đi vào cửa trí. Trong mười bi nêu trên đều có đối tượng được đối trị và chủ thể đối trị. Phần Sơ giải đã lược nêu để hiển bày. Phần còn lại như nơi hai địa đã bàn.

Sớ câu: “Thứ tám là Chủ Dạ thần Đại Nguyên Tinh Tấn Lực dựa nơi địa Bất động”: Tức là trí không phân biệt tự nhiên tương tục, phiền não của tướng, dụng chẳng thể làm cho lay động.

Sớ câu: “Nay nói về phần một. Do chỗ dấy khởi ở trước đồng với mười tâm nơi mình”: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Nói về nhân của chỗ được đồng.

Hai: Từ câu: “Đồng có bốn nghĩa” tiếp xuống: Là chỉ rõ về tướng của sự đồng nhau ấy.

Nói: “Do nhận thấy phần một, tức chẳng khác với hai phần còn lại”: Nghĩa là, do chứng đắc “Thấy pháp giới” nên thể như nhau. Do dấy, trên thì đồng với chư Phật, dưới thì đồng với chúng sinh.

Nói: “Chẳng khác với hai phần còn lại”: Tức đối với Bồ-tát là chỗ đồng của cứu cánh.

Ba: Từ câu: “Chính do tám địa” tiếp xuống: Là nêu bày riêng, văn ở đây nêu rõ về nguyên do của chỗ đồng.

Sớ câu: “Đối tượng được cứu độ nơi ngàn Phật”: Kinh Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng, viết: “Như Lai thật sự thành Phật từ đó đến nay trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp chẳng thể nghĩ bàn”.

Sớ câu: “Thứ nhất là nêu rõ bên trong kế hợp với lý, sự”: Nghĩa này hoàn toàn đồng với “Nhất thiết sắc thân trí thông” trong mười thông, do trước đã nói rộng, nên chỉ nhận định tóm lược để nêu ra tổng quát về ý. Nay sẽ nói lần nữa: Do bên trong chứng thật nên bên ngoài hiện ra hình sắc. Vì thế, Luận Khởi Tín viết: “Hỏi: Nếu Pháp thân của chư Phật lia nơi sắc tướng thì vì sao có thể hiện bày sắc tướng? Đáp: Tức Pháp thân ấy là thể của sắc, nên có thể hiện bày nơi sắc. Nghĩa là xưa nay sắc, tâm vốn không hai. Do tánh của sắc tức là tánh của trí nên thể của sắc vô hình gọi là trí thân. Do tánh của trí tức là tánh của sắc, nên gọi là

pháp thân hiện hữu khắp tất cả nơi chốn. Sắc của đối tượng được hiện bày không có phân loại, tùy tâm có thể thị hiện nơi mười phương thế giới vô lượng Bồ-tát, vô lượng báo thân, vô lượng sự trang nghiêm, mỗi mỗi sai biệt, nhưng đều không phân loại, hạn định, lại chẳng ngăn ngại nhau. Đây chẳng phải là tâm thức phân biệt có thể nhận biết, vì là cái nghĩa diệu dụng tự tại của chân như”. Tiếp theo là giải thích văn của kinh, lại là ba đoạn ấy:

Một: Làm rõ bên trong khế hợp với lý, sự, biện minh sắc tức Không.

Hai: Nêu rõ dụng lớn hiện bày rộng về sắc thân, là Không tức sắc.

Ba: Tóm kết về chỗ sâu rộng chẳng ngăn ngại bi.

Nay nói về phần một: Do thấu tỏ pháp giới không có sắc thật cố định, nên nêu thể tức không, nhưng chẳng phải là Không của đoạn. Trong Không, không có sắc, chẳng ngăn ngại sắc. Sắc, Không chẳng ngăn ngại thì còn - mất, ẩn - hiện đều tự tại Như thế, mới có thể tùy theo chỗ ưa thích mà hiện vô số sắc. Cho nên phần Sở giải trước nêu rõ bên trong khế hợp với lý, sự. Trong kinh thì trước nêu rõ việc chứng thật, là tướng; sau là cùng thấu rõ về tánh, tướng.

Nơi phần trước, tỏ ngộ về tự tánh bình đẳng của các pháp. Câu này nêu rõ tổng quát thế nào là bình đẳng.

Tiếp theo nói: “Hội nhập nơi tánh chân thật của các pháp. Tức là trong tánh chân thật không có tướng sai biệt, không có vô số các thứ tướng, không có vô lượng tướng. Muôn pháp là một Như thì sao có chẳng bình đẳng? Tánh chân thật ấy dựa vào gì mà lập? Do vậy, phần tiếp lại biện minh về sự chứng đắc “pháp không nương tựa”. Đó là chẳng dựa nơi sắc, chẳng dựa nơi Không. Nếu muôn pháp dựa nơi Không thì Không là “không có chỗ dựa”. Nay muôn pháp dựa nơi chân thật là không chỗ dựa, tức pháp môn “không chỗ nương tựa”, nên xả lìa thế gian, vì thế gian tức có vô số sai biệt. Đây tức tánh hỷ còn chẳng lập, hướng hồ là nơi tướng. Cũng chẳng dựa nơi Không để lập sắc. Cũng chẳng dựa nơi sắc để lập Không. Cũng không khác, không chẳng khác; không tức, không chẳng tức. Nhận thức ấy cũng dứt bật, miễn cưỡng gọi là nội chứng.

Từ câu: “Sắc tướng của các pháp sai biệt” tiếp xuống: Là phần sau cùng thấu tỏ về tánh tướng. Gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Nêu rõ thấu tỏ về tướng tức Không, Không tức sắc.

Thứ hai: “Cũng có thể thấu đạt” tiếp xuống: Là biện minh sự thấu

tỏ về tánh, là sắc tức Không.

Lại, câu trên là trong sắc không có Không. Câu dưới là trong Không Không có sắc.

Lại nữa, câu trên là sắc có thể dung hợp Không. Câu dưới là Không có thể dung hợp sắc.

Lại, câu trên là Không có thể hiển bày sắc. Câu dưới là sắc có thể hiển bày Không, chẳng chướng chẳng ngại.

Sớ từ câu: “Hai là từ câu: “Nhưng luôn” tiếp xuống: Là nêu rõ về dụng lớn không bến bờ”: Trong kinh thì câu đầu nói: “Mà có thể thị hiện vô lượng sắc thân”, tức nhắc lại phần trước để dẫn đến phần sau, nên viết: “Mà có thể”. Do ở trên nói “Không chẳng ngăn ngại sắc” nên có thể hiện bày sắc.

Lại, nếu cho sắc là sắc chẳng thể hiện bày sắc. Nay, tức sắc chẳng phải là sắc nên không gì là không hiện bày.

Lại nữa, tức sắc của không mới là diệu sắc. Do đó, tiếp theo phần trên nêu rõ sắc. Không chẳng hai, xác nhận chân không nêu trên chẳng hai mà hai. Đây là diệu sắc. Sắc, không dung hợp là chân pháp giới. Duyên khởi vô tận tức là một hiện bày nhiều.

Câu: “Luận Khởi Tín v.v... nêu rõ địa thứ tám chính là sắc tự tại”: Luận viết: “Bốn là hiện bày sắc chẳng tương ứng với nhiễm, dựa nơi địa của sắc tự tại thì có thể lìa được!”

**Giải thích:** Do đâu có thể biết là Luận nói đến địa thứ tám? Vì trước có nói về địa thứ bảy, sau thì có nói về địa thứ chín.

Nói “vân vân” là chỉ cho Luận Du Già. Tức địa thứ tám nói trên do chứng đắc “vô sinh”, dứt tuyệt mọi hệ lụy của sắc, nên đạt được mười tự tại nơi mười thân, cùng hỗ tương, như ảnh hiện khắp, đều là sắc tự tại.

Sớ câu: “Các vị Dạ thần nêu trên tán thán về chỗ sâu xa đều phỏng theo pháp, dụ ấy”: Rõ ràng là phần nhiều hỏi về chỗ lâu, gần của lúc phát tâm mà đáp lại về trí luân, tức là dung của thể. Nhưng, năm dụ này chẳng phải là không có nghĩa. Do trước đều đã có nói nên phần Sớ giải không giải thích.

Sớ câu: “Tấn nghĩa là hình phạt chặt chân”: Về hình phạt của thế gian có năm thứ: Cắt mũi (Tị); Thích chữ vào mặt (Mặc); Cung (Hình phạt kẻ phạm tội dâm: Nam thì cắt bộ phận dịch hoàn. Nữ thì giam vào cung); Chặt chân (Cát tẫn) và Xử tử (Đại tịch).

Sớ câu: “Nghĩa chính là thời ấy đã được bốn địa”: Tức địa thứ nhất là trăm. Hai địa là ngàn. Ba địa là vạn. Bốn địa là trăm vạn.

Sớ câu: “Chín là Lâm thân Lam Tỳ Ni dựa nơi địa Thiện tuệ”: Tức là thành tựu bốn biện tài vô ngại vi diệu, nên có thể hiện hữu khắp mười phương, khéo giảng nói chánh pháp.

Sớ từ câu: “Mười thông nầy ở nơi sáu quả vị” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm năm:

Một: Căn cứ nơi quả vị để phối kết theo chiều dọc, cũng gọi là giải thích theo hướng hành bố (Thứ tự trước sau).

Hai: Từ câu: “Nhưng dựa nơi hành bố” tiếp xuống: Là tóm kết phần trước để dẫn tới phần sau. Phát sinh phần sau là viên dung.

Ba: Từ câu: “Nếu căn cứ theo viên dung” tiếp xuống: Là thông hợp nơi các quả vị để giải thích. Cũng gọi là giải thích theo hướng viên dung

Bốn: Từ câu: “Nếu định căn gồm đủ mười” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận chỗ phối hợp theo chiều dọc ở trên.

Năm: Từ câu: “Nếu là chiều dọc của định” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận cần phải phối kết theo chiều ngang. Thật thì ngang, dọc không ngăn ngại, là ý ở đây, nên đã giữ lại hai cách giải thích. Văn nghĩa đều rõ ràng.

Sớ câu: “Thứ nhất là sanh gia của trụ”: Sợ người nhầm là “sinh gia” của địa thứ nhất. Nhưng “sinh gia” lược nêu có sáu bậc:

Một: Trụ thứ nhất sinh nơi gia (nhà) là tâm Bồ đề.

Hai: Trụ thứ tư sinh nơi gia là Thánh giáo.

Ba: Địa thứ nhất sinh nơi gia là Chân như.

Bốn: Địa thứ tư, căn cứ chỗ dựa nơi quả vị, sinh nơi gia là xuất thế gian.

Năm: Địa thứ tám sinh nơi gia là vô sinh pháp nhẫn .

Sáu: Địa Như Lai sinh nơi gia là cứu cánh.

Nay là trụ thứ nhất, tức bậc thứ nhất, sinh nơi gia là tâm Bồ đề.

Sớ câu: “Tức địa của tâm tịnh”: Phần Sớ giải đã tùy theo chỗ khó mà giải thích. Nay lại giải thích lần nữa.

Nói: “Đạt được Ánh sáng giác ngộ của Như Lai”: Tức nêu rõ chỗ giác ngộ của tâm.

“Cho nên nhập nơi biển phương tiện của Bồ-tát”: Tức chứng chân, tỏ tục nên xả bỏ các cõi sinh tử. Cũng do đã đoạn tánh của hàng phàm phu.

“Thành tựu tự tại”: Tức phân thân nơi trăm cõi.

“Tu tập hạnh thù thắng của Bồ-tát”: Tức thường tu tập thập Hạnh nơi pháp của địa Tịnh trị.



“Gồm đủ căn của Bồ-tát”: Do chứng Tín nên còn lại đều thành tựu căn. Lại Đại bi làm đầu nên Bi làm căn. Đã đoạn trừ sở tri chướng, nên tâm sáng tỏ, trong lành; mười nguyện thành tựu trọn vẹn, nên nguyện chẳng động. Cùng Phật chứng Như nên được Phật gia hộ. Mọi phân biệt tức thì dứt sạch, gọi là hủy hoại các chướng. Gồm đủ những đức ở trên là chỗ dựa của muôn vật.

Sớ câu: “Giới, Nhẫn, Tấn v.v...”: Chữ vân vân là chỉ cho Thiền định, Trí tuệ, mỗi thứ đều tăng trưởng. Hai câu sau cuối, câu trên nói chỗ khéo nhận biết của ba nghiệp, ắt vui thích. Câu dưới là nói về hành của sự dụng công viên mãn. Lại do không còn dụng công nên đạt được các hành.

Sớ từ câu: “Trong câu sáu, do đạt được” tiếp xuống: Từ đầu cho đến câu: “Là sinh nơi nhà của Phật”: Đây có hai câu: Một là chính thức nêu lên chỗ giải thích. Hai là giải thích. Hai câu của phần một nói “Đạt được vô sanh nhẫn” là giải thích về “sinh gia”.

“Khế hợp cùng với Pháp tánh” là giải thích tùy theo chỗ an trụ của chư Phật. Chỗ an trụ của Phật hết sức thâm diệu là chân Pháp tánh. Trên tức là phần tịnh nhẫn thành tựu. Từ câu: “Hết thấy pháp môn sâu xa” tiếp xuống: Là đều được phần thắng hạnh. Câu này nêu tổng quát nên phần Sớ giải không giải thích. Từ đây trở xuống đều là pháp môn thâm diệu. “Cho nên chỗ nguyện độ kia đã tăng trưởng” là giải thích.

“Gồm đủ ba đời” tiếp xuống: Là văn của kinh. “Thiện căn cùng một thể” là giải thích. “Đạt được tất cả Phật” tiếp xuống: Là văn của kinh. Nghĩa là đồng với thiện căn của chỗ không dụng công, đồng với chỗ khế hợp nơi thể của pháp nhẫn vô sinh.

“Hoặc v.v... chẳng dấy động” tiếp xuống là giải thích về chỗ gồm đủ pháp bạch tịnh xuất thế gian.

Trên đều là phần kinh ở trước nói về nghĩa chẳng thể nghĩ bàn. Nơi kinh, từ câu: “An trụ” tiếp xuống: Tức là phần kinh trước nói về chánh hạnh rộng lớn.

“Hội nhập các pháp Tam muội” tiếp xuống: Là lia chướng, đạt được tịch diệt. Ba câu sau là ba luân giáo hóa tạo lợi ích, đều dễ lãnh hội nên không giải thích.

Sớ từ câu: “Trong câu bảy, nhân nơi Phật lực”: Tiếp xuống: Cả kinh, Sớ giải cùng dễ hiểu. Nếu muốn giải thích, tức do Phật bảy lần khuyến khích, gọi là hội nhập nơi diệu lực của chư Phật. Đây là câu tổng quát. Từ câu: “Đi đến cõi” tiếp xuống: Là hai câu riêng nói về khởi hành mau chóng. Từ câu: “Thấu rõ tất cả” tiếp xuống: Là sự việc

trong phần tịnh độ, đối với ba thế gian đạt được tự tại.

Hai câu đầu là nói về sự tự tại nơi khí thế gian.

Hai câu tiếp theo là nói về bậc chánh giác.

Ba câu sau là nói vì chúng sinh thuyết pháp để hóa độ họ.

Sớ câu: “Tám là quán về môn phổ trí, gọi là đức của Pháp sư”: Cũng là sự thành tựu nơi phương tiện của Pháp sư. Nói: “Ở nơi ba tánh v.v...”: Ba tánh tức là hóa pháp, là sự thành tựu của trí. Chữ “vân vân” (Đẳng) là chỉ cho việc hội nhập hành, thành tựu trí với mười một thứ “Trù lâm”. Nơi kinh, từ câu: “Mỗi mỗi môn” tiếp xuống: Tức là chỗ thành tựu của khẩu nghiệp, gồm đủ bốn mươi thứ vô ngại, nên có thể diễn nói rộng về phần còn lại, đều là sự thành tựu về tự tại của Pháp sư.

Thứ nhất: Tam muội tự tại, tùy nơi tâm diễn đạt tức thì.

Thứ hai: Thọ sinh tự tại.

Thứ ba: Từ câu: “Ở chỗ có cảnh giới sai biệt” tiếp xuống: Tức ở nơi pháp tự tại, sự lý kết hợp thông suốt.

Sớ từ câu: “Tức sự nhận biết lý” tiếp xuống: Là giải thích, đối thứ nhất này là thấu rõ. Tức sự nhập lý, tức lý nhập sự. Cũng câu trước là sự có thể hiển bày lý. Câu sau là dựa nơi lý mà thành sự. Lại nữa, trước là chẳng hủy hoại giả danh mà nói về thật tướng. Sau là không khởi động nơi cõi chân mà tạo lập các pháp. Lại, trước là động chẳng lìa tịnh. Sau là tĩnh không bỏ sót soi chiếu.

Từ câu: “Ở nơi vô lượng” tiếp xuống: Là có, không tự tại.

“Đối với cảnh giới ít ỏi” tiếp xuống: Là rộng hẹp tự tại.

“Thông đạt” tiếp xuống: Là chân, tục cùng soi chiếu.

Do văn hiện rõ nên nói là “Có thể dựa theo đấy mà xét”.

Sớ câu: “Trong câu chín là trang nghiêm hiện khắp”: Gồm hai:

Một: Giải thích tên gọi.

Hai: Từ câu: “Đã đạt được” tiếp xuống: Là giải thích tổng quát về đại ý. Nếu nêu bày riêng thì câu đầu là y báo trang nghiêm. Các câu còn lại đều là chánh báo trang nghiêm. Trong chánh báo đều là trí bí mật. Ba câu đầu là bí mật của thân.

Từ câu: “Diễn nói thanh tịnh” tiếp xuống: Là bí mật của khẩu.

Từ câu: “Tùy nơi tâm ấy” tiếp xuống: Điều là bí mật của ý.

Sớ câu: “Thứ mười là Thích nữ Cù Ba, dựa nơi địa Pháp Vân”: Nghĩa là mây trí của pháp lớn đã bao hàm các thứ nước công đức, phủ trùm như hư không đối với các vật thô trọng như pháp thân sung mãn.

Sớ câu: “Bi, trí nghịch thuận, quyền, thật tịch dụng vô ngại, là

hành của cùng hành”: Ở đây, phần Số giải đã nói đến bốn thứ vô ngại, cũng gọi là bốn thứ song hành.

Nơi mười câu kia, các câu đều là song hành. Căn cứ nơi song hành, về sự có mười sai biệt, trong đó song hành chỉ có bốn sai biệt.

Như nơi câu một nói: “Vì sao ở trong sinh tử mà không bị bao thứ lỗi lầm, hệ lụy của sinh tử làm cho cấu nhiễm?”. Tức là bi, trí vô ngại. Nghĩa là, ở trong sinh tử tức có đại bi. Chẳng bị bao thứ lỗi lầm, hệ lụy của sinh tử làm cho cấu nhiễm tức gồm đủ đại trí.

Hai: Thấu rõ về tự tánh của pháp, nhưng chẳng trụ nơi địa Thanh Văn, địa Phật Bích Chi, tức là tịch, dụng song hành.

Ba: Tức thật mà quyền song hành.

Bốn: Tức quyền mà thật song hành.

Năm: Tức thuận, nghịch song hành.

Sáu: Tức tịch, dụng song hành.

Bảy, tám: Tức thật mà quyền.

Chín, mười: Điều là quyền, thật song hành. Chín là căn cứ nơi sự hóa độ chúng sinh. Mười là căn cứ nơi cúng dường Phật.

Mười một: Chân, tục song hành, đều có tướng riêng.

Số câu: “Nhưng phần văn xuôi ở trước chỉ gọi là đế võng”: Ở đây tức là hiển bày về nghĩa của đế võng (Lưỡi báu của Đế Thích).

Số câu: “Trước là nêu đủ về tướng”: Kinh có nói đến ba mươi hai tướng, văn ở trước đã nêu lên, ở đây sẽ biện minh rộng. Do văn gồm đủ nên nay sẽ lược nêu. Dựa theo luận Du Già quyển thứ bốn mươi chín cùng kinh Đại Bát-nhã quyển thứ ba trăm tám mươi mốt mà nói. Nhưng về thứ lớp nơi kinh ấy so với kinh ở đây thì chẳng đồng. Nay, dựa nơi thứ lớp theo kinh Đại Bát-nhã để nêu ra tên gọi, dùng văn của kinh hiện tại (kinh Hoa Nghiêm) ghi chú ở dưới. Kinh viết: “Phật nói với Tôn giả Thiện Hiện: Thế nào là ba mươi hai tướng của Như Lai?... (Lược bớt)

**Giải thích:** Trên là dựa nơi thứ lớp của kinh ấy để nêu dẫn đủ. Nay, dùng kinh Hoa Nghiêm đối chiếu thì thấy thiếu phần ánh hào quang tỏa ra thành vòng tròn một tâm, bao hàm trong chỗ mọi người ưa thích được trông thấy...

Số câu: “Ba là bảo nữ cầu quy”: Người nữ cho việc lập gia đình là “Quy”, nên trong sách Chu Dịch có quẻ “Lôi Trạch Quy Muội”.

Số câu: “Phần văn chính thứ hai: Hợp duyên hội nhập nơi thật tướng”: Văn nơi phần Số giải gồm năm:

Một: Phân định tổng quát để giải thích.

Hai: Từ câu: “Nhưng về người tuy là” tiếp xuống: Là nhận xét,

phân biệt.

Ba: Từ câu: “Cho nên Phật mẫu Ma Da đã hợp duyên” tiếp xuống:  
Là giải thích chỗ vướng mắc do vấn nạn. Gồm hai chi tiết:

- Thứ nhất: Nêu vấn nạn.

- Thứ hai: “Há chẳng vừa nói” tiếp xuống: Là giải thích.

Bốn: Từ câu: “Lại, nghĩa của một tướng ấy” tiếp xuống: Là chỉ rõ riêng về môn nghĩa.

Năm: Từ câu: “Thứ nhất là Thiên chủ quang” tiếp xuống: Là giải thích chung về các hội. Nhưng có hai ý:

Thứ nhất: Tức ý bậc Đẳng giác hội nhập nơi thế tục.

Thứ hai: Tức là ở trước biện minh riêng về hợp duyên, sau mới quy về ý thứ này.

Từ câu: “Nay nói về phần một. Trong phần chung” tiếp xuống:  
Là giải thích văn.

Trong năm phần trước đều nhắc lại chỗ đạt được kia.

Thứ nhất: “Thiên Chủ Quang lại luôn có chánh niệm, không mất”:  
Tức vị ấy đã đạt được pháp giải thoát của Bồ-tát gọi là “Niệm thanh tịnh trang nghiêm vô ngại”.

Thứ hai: “Có thể làm thầy ở thế gian”: Tức đồng tử sư Biến Hữu với pháp môn “chẳng đạt được”.

Thứ ba: Từ câu: “Hiện hữu tận cùng khắp” tiếp xuống: Tức đồng tử Thiện Tri Chúng Nghệ đạt được pháp giải thoát của Bồ-tát tên là “Thiện tri chúng nghệ” mà giảng nói rộng về tự mẫu.

Thứ tư: “Không nương tựa, không tận cùng” tức là Ưu bà di Hiền Thắng, đạt được pháp giải thoát của Bồ-tát tên là “Đạo tràng không nơi chốn nương tựa”. Lại được pháp Tam muội tên là vô tận.

Thứ năm: “Thanh tịnh, không vướng mắc”: Tức là Trưởng giả Kiên Cố Giải Thoát, đạt được pháp giải thoát của Bồ-tát tên là “Niệm thanh tịnh trang nghiêm không vướng mắc”.

Thứ sáu: “Thanh tịnh tức trí thanh tịnh phát ra Ánh sáng”: Tức nói về Trưởng giả Diệu Nguyệt, đạt được pháp giải thoát của Bồ-tát tên là Tịnh Trí Quang Minh.

Thứ bảy: “Phát ra Ánh sáng tức tướng vô tận của trí”: Là nói về Trưởng giả Vô Thắng Quân đạt được pháp giải thoát của Bồ-tát tên là Vô Tận Tướng.

Thứ tám: “Vô tận tức nguyện chân thành không trái”: Là nói về Bà-la-môn Tối Tịch Tĩnh, đạt được pháp giải thoát của Bồ-tát tên là Thành Nguyện Ngữ.

Thứ chín: “Mới có thể trở lại quy về nơi huyền trụ”: Tức nói về đồng tử Đức Sanh, Hữu Đức, đạt được pháp môn giải thoát của Bồ-tát tên là Huyền Trụ.

Từ câu: “Cho nên tuy là” tiếp xuống: Là tổng kết.

Sớ câu: “Thứ nhất Ma Da xưa gọi là Thiên hậu”: Do cách dịch mới là Huyền thuật, nên gọi là “xưa”. Cũng gọi là Huyền sinh, đạt được môn trí huyễn.

Sớ câu: “Đã có thể kết hợp ngầm môn nguyện trí huyễn”: Do văn hiện tại viết: “Gồm đủ pháp thân thanh tịnh. Dùng nghiệp như huyễn mà hiện bày hóa thân. Dùng trí như huyễn mà quán xét về thế gian.

Sớ câu: “Khế hợp sâu xa với phần văn sau nói về chỗ hiện bày của Thiên hậu”: Phần sau thấy chánh báo hiện bày vô lượng “Thân mây”. Nay ở đây chưa nhận thấy mà đã biết về hiện thân, nên gọi là khế hợp sâu xa. Phần Sớ giải chỉ nêu ý chung. Nếu phối kết riêng thì mười bảy thân ấy đã thấu tóm bốn mươi thân trong phần kinh ở đoạn sau. Bốn mươi thân, mỗi thân đều có hai câu: Câu trên là nêu lên, câu dưới là giải thích.

Một: Thân tùy ý sinh tức hiển bày tổng quát về tùy nguyện.

Hai: Thân không sinh diệt, tức phần văn sau là hai sắc thân: Là sắc thân chẳng sinh, không sinh khởi và sắc thân chẳng diệt, luôn vắng lặng.

Ba: Thân không đến đi, tức hai thân ở phần sau là sắc thân không đi, ở nơi tất cả cõi không chỗ diệt và sắc thân không đến, ở nơi các thế gian không chỗ xuất hiện.

Bốn: Thân chẳng phải hư, thật, cũng thấu tóm hai thân. Tức phần kinh ở đoạn sau viết: “Sắc thân chẳng phải thật đạt được như thật. Sắc thân chẳng phải hư tùy theo thế gian mà hiện bày”.

Năm: Thân chẳng biến hoại, tức phần sau là sắc thân chẳng hoại Pháp tánh không bị hủy hoại.

Sáu: Thân không khởi tận, tức sắc thân chẳng sinh, tùy nơi thân của chúng sinh, tùy theo nghiệp của chúng sinh mà xuất hiện. Sắc thân luôn thị hiện tận cùng nơi cảnh giới của chúng sinh mà vô tận. Hai câu trên đều nêu rõ việc dùng tánh để giải thích tướng, khác với phần trước là hoàn toàn không sinh diệt.

Bảy: Các tướng vốn có đều là thân một tướng, tức phần sau gọi là sắc thân một tướng, vô tướng là tướng.

Tám: Thân lìa hai biên, tức là ý chung, đều là sự, lý không vướng mắc. Nếu phối hợp riêng, như phần sau nói: “Sắc thân Pháp tánh với

tánh tịnh như hư không. Sắc thân đại bi luôn hộ trì chúng sinh. Câu trên là lia biên hữu (chấp có), câu dưới là biên không (chấp không). Lại nữa, câu trên là có trí, nên chẳng trụ nơi sinh tử. Câu dưới là có bi nên chẳng trụ nơi Niết-bàn.

Chín: Thân không chốn nương tựa, tức phần sau nói sắc thân không nơi chốn luôn hóa độ chúng sinh chẳng đoạn tuyệt.

Mười: Thân không cùng tận, tức sắc thân vô tận, tận cùng nơi biên vực sinh tử của chúng sinh.

Mười một: Thân lia mọi phân biệt như ảnh hiện, tức phần sau nói là sắc thân không phân biệt, chỉ tùy theo chỗ phân biệt của chúng sinh mà dấy khởi. Lại, tức sắc thân như ảnh, theo nguyện mà hiện bày thọ sinh.

Mười hai: Thân nhận biết như mộng, tức sắc thân như mộng, theo tâm mà hiện.

Mười ba: Thân thấu rõ như hình tượng, tức sắc thân đối chiếu khắp để hiện bày. Do chỗ tự tại lớn mà thị hiện. Cũng như nơi gương sáng, đối nơi vật thật sinh ra hình tượng.

Mười bốn: Thân như mặt trời thanh tịnh, tức là sắc thân thanh tịnh, đồng nơi Như như không phân biệt, nên mặt trời sáng tỏa không riêng tư.

Mười lăm: Thân hóa hiện khắp mười phương, tức ở phần sau gọi là sắc thân hóa hiện nơi tất cả, tùy theo tâm của chúng sinh mà hiện tiền.

Mười sáu: Thân trụ nơi ba đời không biến đổi, tức phần sau nói là sắc thân không động, vĩnh viễn lia nẻo sinh diệt.

Mười bảy: Thân chẳng phải là thân tâm, tức phần sau hiển bày chung về thể. Gọi là thân như thị, tức chẳng phải là sắc tướng cũng như ảnh hiện có của sắc, cho đến lia thức. Bồ-tát hiển bày trí Không, Vô tánh, do đã dứt mọi thứ ngôn ngữ của chúng sinh, nên đã đạt được sự thành tựu thân tịch diệt. Cho nên nay tóm kết: Cũng như chỗ hành hóa không ngăn ngại của hư không, vượt mọi mắt của thế gian, chỉ là chỗ nhận thấy nơi mắt thanh tịnh của Bồ-tát Phổ Hiền. Ở đây đã lược không phối kết. Phần còn lại mở rộng đến bất tận, có thể dùng loại để thấu tóm.

Sớ câu: “Tức mười thứ hành thù thắng nơi pháp tịnh trị địa của địa thứ nhất, vẫn có một ít không theo thứ lớp”: Thứ lớp của đoạn kinh kia viết: “Phật tử ! Bồ-tát như thế là thành tựu mười thứ pháp tịnh trị địa. Đó là Tín, Bi, Từ, Xả, không có một chán, nhận biết các kinh luận, khéo

lãnh hội các pháp thế gian, hổ thẹn, sức kiên cố, cúng dường chư Phật, dựa nơi giáo pháp tu hành. Giải thích cúng dường chư Phật, dựa nơi giáo pháp mà tu hành tức một hành của như chỗ giảng nói mà hành.

Sớ câu: “Cho nên kinh Ương Quật v.v...”: Sự việc về Ương Quật, trong phần Huyền đàm đã nêu dẫn. Nay, giải thích thẳng về nghĩa đã được dẫn.

Nơi quyển thứ hai, phần sau, đức Thế Tôn khiến Ương Quật thọ ba quy y, đã đáp lại: “Con chỉ thọ một, dựa nơi Phật, Phật tức là Pháp, Pháp tức là tăng”. Ý nêu rõ: Học về một. Đến quyển thứ ba, Phật hỏi: Thế nào là: Học một? Kệ đáp:

*“Mạng tất cả chúng sinh  
Đều do ăn uống trụ  
Đó tức Thanh văn thừa  
Chẳng phải Ma ha diễn  
Gọi là Ma ha diễn  
Lìa ăn, luôn kiên cố  
Vì sao gọi là một?  
Tức tất cả chúng sinh  
Đều do Như Lai tạng  
Rốt ráo luôn an trụ”.*

Tiếp theo, hai tức là danh sắc. Ba là ba thứ thọ. Bốn tức bốn đế v.v... đều như thế.

Những gì gọi là năm? Đó là năm căn. Đó tức Thanh văn thừa, chẳng phải Ma ha diễn. Gọi là nhãn căn tức, ở nơi các Như Lai, luôn quyết định phân minh, nhận thức, đầy đủ, tu tập không giảm. Tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân tiếp xúc, toàn bộ đều giống nơi mắt. Nhưng có hai bản: Một bản chép là “Thấu tỏ phân minh”, một bản chép là “Quyết định phân minh”.

Tiếp theo nêu: Thế nào gọi là sáu? Đó là sáu nhập xứ, đầy tức thừa Thanh văn, chẳng phải Ma ha diễn. Gọi là nhãn nhập xứ, nơi các Như Lai luôn, thấy rõ nẻo sáu nhập, đầy đủ tu tập không giảm. Nghe, ngửi, nếm, tiếp xúc đều giống nơi mắt. Ý nhập xứ viết: “Gọi ý là nhập xứ, ấy nêu rõ Như Lai luôn, chẳng nghe tâm trái nghịch, tin tịnh nẻo đến nhập”. Nghĩa như phần Sớ giải thích.

Cho đến bảy giác chi, tám chánh đạo, chín định, mười lực, đều đề cao đại, hạ thấp tiểu. Nói về Như Lai tạng với bốn tính chất thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai là không thiếu giảm. Do đây, phần Sớ giải viết: “Chỗ còn lại có thể nhận biết”.



“Có thể nhận biết” gồm hai: Một: Đối chiếu với Ương Quật. Hai: Đối chiếu pháp Tam muội còn lại trong ấy.

Sớ câu: “Hoa của Phổ Hiền”: Ở đây, tuy chẳng nêu lên số lượng của hoa, nhưng nơi phẩm mười định nói: “Không có biên vực”.

Sớ câu: “Hai phần trên đều là trụ nơi thể để ứng hợp khắp”: Nhưng ở đây tức là “Môn duyên khởi tương do”, trong đó có ba nghĩa:

Một: Nghĩa các duyên đều dị biệt.

Hai: Nghĩa cùng hiện hữu khắp, cùng hỗ trợ.

Ba: Nghĩa Thể Dụng không ngăn ngại.

Nay nói: “Trụ nơi Thể”, tức các duyên đều dị biệt.

Nói: “Ứng hợp khắp”: Tức cùng hiện hữu khắp, cùng hỗ trợ. Tức trụ nơi thể mà ứng hợp khắp là nghĩa thứ ba: Thể Dụng không ngăn ngại.

Nhưng ở trên nói: Ma da nơi muôn loài ứng hiện khác nhau, tức trong dị thể là nhiều. Nay, ở đây, Thiện Tài là thân của một loại ứng hợp khắp đối với Ma da tức số nhiều trong đồng thể. Nếu căn cứ nơi Ma da, Thiện Tài cùng chẳng phân mà hiện hữu khắp thì đồng, dị, tuy khác, mà trụ nơi thể để ứng hợp khắp, nghĩa không khác. Ma da cũng là đồng thể, một tức nhiều, do tùy chỗ ứng hiện khác, mà không hai thể. Cho nên phần sau tự nói: “Chẳng phải trụ nơi một xứ. Chẳng phải trụ nơi nhiều xứ”. Thiện Tài cũng là đồng thể. Nhiều tức một. Các xứ nơi Thiện Tài, tức một thân nơi Thiện Tài của phần trước. Lại nữa, hai Thánh cùng đối chiếu đều bao hàm đồng thể, dị thể. Do một Ma da ứng hợp nhiều Thiện Tài. Đây tức Ma da là đồng thể. Do nhiều Thiện Tài đối hợp với Ma da tức Thiện Tài là dị thể.

Sớ câu: “Chẳng hủy hoại nhỏ mà dung nạp rộng”: Tức là môn rộng hẹp không ngăn ngại. “Không sinh khởi mà sinh khởi” tức môn sự, lý vô ngại. “Lại, nguyện gồm thâu nơi Phổ Hiền”: Trên là căn cứ nơi nguyện riêng. Nay là nguyện chung. Không nguyện nào là không thâu, chẳng trí nào là chẳng tóm. Nguyện trí bình đẳng dung thông đều là đại huyển, thành Bát-nhã bất cộng nên sinh ra Phật.

Sớ câu: “Xưa nay không hai, gọi là một tánh”: Sớ giải do nối tiếp phần trên tức ở đây là nhiều thân, nên gọi là xưa nay không hai là nhiều mà đều xứng hợp với tánh. Nếu căn cứ nơi sự mà nói cũng có thể cho gốc chỉ là một. Phần tiếp sau nói “Chẳng phải là trụ nơi một xứ. Chẳng phải là trụ nơi nhiều xứ” tổng cộng có bốn cách giải thích.

Một: Chỉ dựa trên Thể để biện giải. Cùng phủ nhận nên chẳng phải là nhiều. Nói “chẳng như sự” tức lý chỉ là một vị, chẳng như sự thì

nhiều

Hai: Đối thứ hai, căn cứ nơi chỗ chẳng hủy hoại tánh tướng mà nói. Câu trên là chẳng hoại tướng. Câu dưới là chẳng hoại tánh. Cũng là theo chỗ chẳng hủy hoại một, nhiều mà nêu. Một ở đây là đối nơi một của sự, căn cứ riêng.

Ba: Đối thứ ba, căn cứ nơi sự, lý cùng như mà nói. Cùng như tức là nghĩa của vô ngại. Cũng là sự lý cùng biến hiện khắp.

Bốn: Đối thứ tư, chỉ căn cứ nơi sự hỗ tương dung hợp mà nói, tức nghĩa sự sự vô ngại.

Nhưng gồm đủ hai môn tức - nhập là thông hợp nơi tướng duyên khởi, do lý tánh dung thông cả đồng thể, dị thể.

Nói: “Đều là nghĩa của trí huyễn trong phần giải thích”: Do nơi chỗ tên gọi nói “Trí huyễn của nguyện lớn”. Trên là nêu dẫn rộng về nguyện là mẹ của chư Phật. Cho nên trong phần tóm kết ở đây là giải thích về nghĩa của trí huyễn nơi chỗ tên gọi ở trên.

Sớ câu: “Cha của Thiên Chủ Quang tên là Chánh Niệm”: Tức nơi hội thứ ba hỏi về vua của phạm hạnh. Lại nói: “Đến nơi cõi trời ba mươi ba”, là cõi trời được sinh đến của Ma da đã xả bỏ sự giáo hóa. Tức biết Ma da chẳng phải riêng ở nơi cõi trời. Do đó, Tấn kinh nói là ở nơi thành Ca tỳ la.

Thứ hai là đồng tử sư Biến Hữu có thể nhận biết.

Thứ ba là đồng tử Chúng Nghệ, câu: “Hai là ta thường...” tiếp xuống: Là hiển bày về nghiệp dụng”: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Nêu chương để lập ý.

Hai: Phân định chung.

Ba: Giải thích văn.

Nay nói về phần một.

Nói: “Tự mẫu là gốc của sự thuyết giảng nơi sách vở hơn hết của các nghề” (tài năng, học vấn, kỹ thuật): Là nêu ra lý do của việc chỉ rõ, nhấn mạnh. Do nêu dẫn “Biết mọi nghề nghiệp” mà giải thích riêng. Cho nên Trí Luận viết: “Các pháp Đà-la-ni đều từ chỗ phân biệt về ngôn ngữ sinh ra. Bốn mươi hai chữ là chỗ căn bản của tất cả chữ. Nhân nơi chữ có ngôn ngữ, nhân nơi ngôn ngữ có tên gọi, nhân nơi tên gọi có ý nghĩa. Bồ-tát hoặc nghe về chữ kia, cho đến có thể thấu rõ về ý nghĩa...”. Lại như kinh Bản Hạnh Tập nói: “Bấy giờ Bồ-tát, vì các đồng tử, mỗi mỗi phân biệt về gốc ngọn của chữ, cho đến dẫn dạy ba vạn hai ngàn đồng tử, khuyên phát tâm vô thượng Bồ đề”. Cho nên biết chữ là gốc của các nghề. Trong địa thứ mười dùng dụ, cho địa thứ mười là gốc

của các pháp.

Hai: Từ câu: “Có sự nêu lên, dẫn ra tóm kết” tiếp xuống: Là đối chiếu chung.

Ba: Từ câu: “Đều gọi là môn Bát-nhã Ba-la-mật” tiếp xuống: Là giải thích văn. Trước hết là nêu tổng quát để giải thích. Gồm ba:

Thứ nhất: Ngâm dẫn kinh Tỳ-lô-giá-na.

Thứ hai: Nêu dẫn rõ ràng về kinh ấy.

Thứ ba: Dẫn kinh Văn Thù Ngũ Tự.

Nay nói về phần thứ nhất: Phần kinh kia có kệ:

*“Vô tướng: Tướng thâm diệu*

*Tuệ kém, không kham nổi*

*Vì hóa độ bình đẳng*

*Gồm giữ nói có, không”.*

**Giải thích:** Nhân nơi chữ là tướng có không.

Trí là không, nên người niệm tụng Du Già thì trước là quán về tướng của chữ. Sau mới hội nhập nơi nghĩa của chữ. quán về tướng của chữ A, nói:

*“Tám cánh sen trắng một lúc nở*

*Hiện rõ chữ A sắc sáng trắng”.*

Đây tức là tướng của chữ. Nhưng trí biểu thị cho tâm Bồ đề. Tổ ngộ về gốc chẳng sinh, viên mãn, đầy đủ cũng như vầng trăng, tức là nghĩa của chữ. Tướng có nghĩa không, nên gọi là “gồm luôn”. Là do kinh hiện tại lúc xưng lên chữ A, tức là tướng. Hội nhập nơi môn Bát-nhã Ba-la-mật, tức là trí vô tướng. Trí Luận viết: “Chữ này là môn thật tướng, tức hiện bày ba thứ Bát-nhã:

Chẳng cùng lìa bỏ nơi chữ, tức Danh tự Bát-nhã.

Hội nhập nơi môn Bát-nhã Ba-la-mật, tức Quán chiếu Bát-nhã.

Tổ ngộ về nẻo chẳng sinh tức Thật tướng Bát-nhã.

